

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mùa Thị Máy
- Ông Lò Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Chồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày như sau:

Chị và anh Hà Văn T kết hôn với nhau từ năm 2010 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Ngài, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La vào ngày 27/9/2010 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng

tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống; anh T có tình cảm với người khác, thường xuyên không ở nhà, khi về nhà thì hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến ngày 17/4/2019, khi anh T về nhà hai anh chị đã xác định không thể tiếp tục chung sống, anh T khi đó đã viết đơn xin ly hôn, trong đó ghi rõ về thỏa thuận tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung của hai anh chị nhưng anh T khi đó chưa gửi đơn ra Tòa án để giải quyết. Từ đó anh T bỏ nhà đi không quan tâm, chăm sóc con chung của hai anh chị, thi thoảng anh T quay về 1 đến 2 ngày lại đi, anh T không cho chị M biết hiện anh T đang làm gì, ở đâu. Chị M nhận thấy tình cảm giữa hai anh chị không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017. Hiện các cháu T1, T2 do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con; không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị M đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết do anh T hiện không có mặt tại địa phương và trước đó hai anh chị đã tự thỏa thuận xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh Hà Văn T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung của chị M và anh T cũng như xác minh về sự vắng mặt của anh T với bố mẹ anh T, với trưởng bản A, UBND xã B và Công an xã B nơi anh T, chị M đăng ký nhân khẩu thường trú. Qua xác minh xác định: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống, chị M và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Anh chị có 02 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017; các cháu do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, anh T không khai báo tạm trú ở nơi khác, không ai biết hiện nay anh T đang làm gì, ở đâu.

Tòa án đã đăng thông báo về việc thụ lý vụ án trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam trong ba kỳ liên tiếp để anh T được biết, tham gia giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến nay anh T không có bất cứ thông tin hay ý kiến nào gửi đến Tòa án để xem xét.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi ngày 10/5/2024, cháu Hà Anh T1 và cháu Hà Việt T2 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Lò Thị M khi bố mẹ ly hôn.

Do anh T vắng mặt tại địa phương và các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M được ly hôn với anh Hà Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1, T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị Lò Thị M không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung vợ chồng.

+ Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Lò Thị M về việc xin ly hôn với anh Hà Văn T. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến ly hôn, con chung. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Bắc Yên thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị M và anh Hà Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, anh chị đã được UBND xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống, anh T có quan hệ tình cảm với người khác và thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh T. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh T và tại địa phương nơi chị M và anh T sinh sống cũng thể hiện rõ vợ chồng anh chị có nhiều lần mâu thuẫn, anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm, chăm sóc gia đình, không thông báo hiện nay đang ở đâu, làm gì. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Hà Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T1, T2 đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị M có nơi cư trú rõ ràng, các cháu T1, T2 đều có nguyện vọng ở cùng chị M và hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, không ai biết anh T hiện làm gì, ở đâu. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho cháu T1 và cháu T2, cần chấp nhận nguyện vọng của chị M, giao cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T1, T2 trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M đề nghị Tòa án không giải quyết do trước đó anh T và chị M đã tự thỏa thuận và hiện anh T không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị Lò Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Hà Anh T1, sinh ngày 18/5/2011 và cháu Hà Việt T2, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu T1, T2 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc chị M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000627 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Yên;
- UBND xã Hồng Ngài, huyện Bắc Yên ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Phương Thúy